

Phụ lục V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**

Số: 01 /BC-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Chon Thành, ngày 22 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

**Tình hình quản trị Công ty
Kỳ báo cáo: năm 2025**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*** Thông tin chung về Công ty**

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ.
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 751, tổ 8, khu phố Minh Thành 3, Phường Chon Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100464, ngày cấp 04/08/2025, nơi cấp Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 0271 3640502; Website: www.caosusongbe.vn
- Vốn điều lệ: 813.961,920 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn góp của nhà nước: 792.426,960 triệu đồng, chiếm 97,354%.
 - + Vốn góp của nhà đầu tư: 21.534,960 triệu đồng, chiếm 2,646%.
- Mã chứng khoán: SBR
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ- ĐHĐCĐ	28/4/2025	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé thông qua các nội dung (đính kèm).

Nội dung Nghị quyết số 01 /NQ-ĐHĐCĐ (đính kèm) như sau:

Điều 1. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2025.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán bởi Công ty Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUS) (tờ trình số 02/TTr - HĐQT ngày 28/4/2025 của Hội đồng quản trị).

Một số chỉ tiêu chính:

Chỉ tiêu	Số tiền
I. Tổng tài sản	1.042.720.493.546
1. Tài sản ngắn hạn	535.897.339.775
2. Tài sản dài hạn	506.823.153.771
II. Tổng nguồn vốn	1.042.720.493.546
1. Nợ phải trả	228.758.573.546
2. Vốn Chủ sở hữu	813.961.920.000
III. Kết quả kinh doanh năm 2024	
1. Tổng doanh thu	315.067.418.575
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	268.478.280.835
- Doanh thu hoạt động tài chính	25.283.025.433
- Thu nhập khác	21.306.112.307
2. Tổng chi phí	258.947.587.588
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	56.119.830.987
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	46.858.096.434

Điều 5. Thông qua việc Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2024 (Tờ trình số 03/TTr - HĐQT ngày 28/4/2025 của Hội đồng quản trị).

Các chỉ tiêu	Số tiền
1. Vốn điều lệ (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp ngày 01/10/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, gồm 81.396.192 cổ phần), trong đó:	813.961.920.000
a) Vốn Nhà nước (79.242.696 cổ phần, chiếm 97,354%):	792.426.960.000
b) Vốn Nhà đầu tư (2.153.496 cổ phần, chiếm 2,646%):	21.534.960.000

Các chỉ tiêu	Số tiền
2. Phân phối lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp (theo Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2024):	46.858.096.434
a) Quỹ khen thưởng và phúc lợi của người lao động (Trích 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người lao động và trích thêm bằng 20% phần lợi nhuận thực hiện cao hơn lợi nhuận kế hoạch, theo khoản 1 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội):	33.540.602.000
b) Quỹ thưởng của Người quản lý công ty (Trích 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty theo khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội):	426.120.000
c) Trả cổ tức (theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020, gồm:	12.891.374.434
- Trả cổ tức vốn Nhà nước nộp ngân sách tỉnh chiếm (79.242.696 cổ phần) 97,354%	12.550.307.824
- Trả cổ tức vốn Nhà đầu tư chiếm (2.153.496 cổ phần) 2,646%	341.066.610
d) Mức trả cổ tức:	158,38 đồng/cổ phần

Điều 6. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. Thông qua đề xuất lựa chọn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt theo Tờ trình số 04/TTr- HĐQT ngày 28/4/2025 của Hội đồng quản trị và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé chọn Công ty kiểm toán theo tờ trình, để Tổng giám đốc ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán.

Điều 7. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và định hướng Kế hoạch tài chính năm 2026 (Tờ trình số 05/TTr -HĐQT ngày 28/4/2025 của Hội đồng quản trị).

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025
1	Diện tích vườn cây kinh doanh	Ha	4.036,33
2	Diện tích vườn cây KTCB	Ha	128,69
3	Tổng sản lượng mủ cao su SVR3L chế biến đại điền	Tấn	5.446
4	Tổng sản lượng chế biến tiểu điền	Tấn	1.000
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.500

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025
6	Giá bán bình quân	Triệu đồng/tấn	39
7	Giá thành bình quân đại diện	Triệu đồng/tấn	37
8	Tổng doanh thu	trđ	340.000
9	Lợi nhuận trước thuế	trđ	41.000
10	Tiền lương bình quân/người/tháng	trđ	7,5
11	Thu nhập bình quân/người/tháng	trđ	8,0
12	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ	%	5,04

- Định hướng kế hoạch Tài chính năm 2026:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Định hướng kế hoạch năm 2026
1	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	813.962
2	Doanh thu mủ cao su	Triệu đồng	280.800
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	35.424
4	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	12,62
5	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	4,35
6	Cổ tức	%	1,30

Điều 8. Thông qua Tờ trình tiền lương và thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty cổ phần cao su Sông Bé (Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 28/4/2025 của Hội đồng quản trị).

Điều 9. Thông qua Tờ trình tiếp tục thực hiện phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCOM sang niêm yết cổ phiếu tại sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE) (Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 28/4/2025).

Điều 10. Thông qua Tờ trình Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 Công ty cổ phần cao su Sông Bé (Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 28/4/2025).

ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	02/NQ- ĐHĐCĐBT	28/8/2025	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé (đính kèm).

Nội dung Nghị quyết số 02 /NQ-ĐHĐCĐBT (đính kèm) như sau:

Điều 1. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung một số Điều Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty cổ phần cao su Sông Bé biểu quyết thông qua (ngày 28/8/2025).

II. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị

S T T	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Thái Công cần	Chủ tịch HĐQT không điều hành	26/12/2018	
2	Nguyễn Đông Dân	TV HĐQT- Tổng Giám đốc	26/12/2018	
3	Nguyễn Minh Thiện	TV HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	26/07/2024	
4	Nguyễn Thị Mỹ Phước	TV HĐQT không điều hành/ phụ trách quản trị nội bộ/ Thư ký HĐQT	26/12/2018	
5	Trương Minh Hùng	TV độc lập HĐQT	29/12/2023	

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

ST T	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Thái Công Cần	19/19	100%	
2	Nguyễn Đông Dân	19/19	100%	
3	Nguyễn Minh Thiện	19/19	100%	

ST T	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
4	Trương Minh Hùng	19/19	100%	
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước	19/19	100%	

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc của Công ty.

Hàng tháng và hàng quý, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty được báo cáo chi tiết về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các vấn đề phát sinh, và kế hoạch thực hiện trong các giai đoạn tiếp theo. Các báo cáo này do Ban Tổng Giám đốc trình bày, giúp Hội đồng quản trị có cái nhìn toàn diện về hoạt động của Công ty.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, và các quy chế nội bộ. Các thành viên Hội đồng quản trị không chỉ tham gia kiểm tra, giám sát trực tiếp mà còn nhận các ý kiến đóng góp từ ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý và điều hành.

4. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có): không có

5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 19 phiên họp với sự có mặt đầy đủ của các thành viên. Nội dung các phiên họp luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của Hội đồng quản trị vào thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm đều có ý nghĩa định hướng cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban tổng giám đốc.

ST T	Số Nghị quyết; tỷ lệ thông qua	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01a/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	11/02/2025	Điều 1. Thống nhất thông qua Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2025 của Công ty. Điều 2. Người đại diện phần vốn nhà nước xin ý kiến Chủ sở hữu về Kế hoạch quỹ lương năm 2025. Sau khi có văn bản Quyết định của Chủ sở hữu và Sở Lao động thương binh và xã hội. Người đại diện sẽ tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2	Nghị quyết số 01/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	24/02/2025	Điều 1. Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. + Dự kiến ngày chốt danh sách cổ đông ngày 17/3/2025 + Thời gian tổ chức Đại hội: Dự kiến khoảng thời gian từ ngày 17/4/2025 đến ngày 29/4/2025, hoặc thời gian cụ thể khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định, tùy theo tình hình thực tế của Công ty. Điều 2. Giao cho các phòng ban, cá nhân có liên quan chuẩn bị tài liệu Đại hội, gửi thông báo, công bố thông tin theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
3	Nghị quyết số 02/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	14/3/2025	Điều 1. Thống nhất chủ trương cho thanh lý cuốn chiếu và trồng tái canh vườn cây giai đoạn 2026 – 2036 theo đề xuất của Ban Tổng Giám đốc Công ty (<i>Tổng diện tích thanh lý và trồng tái canh vườn cây cao su giai đoạn 2026-2036 là: 3.631,12 ha</i>). Điều 2. Thống nhất cho thanh lý diện tích 73,05 ha vườn cây Keo lai tại Nông trường Lộc Thạnh (trong đó: 69,47 diện tích trồng năm 2019, trồng xen trong các lô 2,3,16,17,18 và một phần lô 19 (đến đường X16) tiểu khu 97-102 và 3,58ha (lô 1 tiểu khu 216: 1,2 ha, lô 2 tiểu khu 219: 2,38 ha) trồng năm 2020 khu vực Tà Thiết). - Giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan tiến hành các thủ tục thanh lý vườn cây Keo lai và trồng xen tái canh lại cây keo lai trên diện tích đã thanh lý theo đúng quy định. Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, lãnh đạo các phòng ban, đơn vị và cá nhân liên quan trong Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, kể từ ngày ký.

34-C
JÉ
ĐƠN

4	Nghị quyết số 03/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	26/5/2025	Điều 1. Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu của Công ty: + Ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2024: 13/6/2025. + Thời gian thực hiện chi trả cổ tức từ ngày: 30/6/2025 + Tỷ lệ thực hiện: 1,58%/1 cổ phiếu (Một cổ phiếu nhận được 158 đồng) Điều 2. Giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan, các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan thực hiện các thủ tục để chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng quy định hiện hành. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
5	Nghị quyết số 04/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	13/6/2025	- Thống nhất Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty xin ý kiến Chủ sở hữu và Sở Tài chính về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 của Công ty. Sau khi có văn bản quyết định của Chủ sở hữu và Sở Tài chính về nội dung trên, người đại diện sẽ tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.
6	Nghị quyết số 05/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	19/6/2025	Điều 1. Thống nhất về việc xin chủ trương nhân sự bổ nhiệm để kiện toàn các chức danh: Trưởng; Phó phòng Tổ chức và Trưởng Phòng Bảo vệ Công ty. Điều 2: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, lãnh đạo các phòng ban, đơn vị và cá nhân liên quan trong Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, kể từ ngày ký.
7	Nghị quyết số 06/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	24/6/2025	Điều 1. Thống nhất bổ nhiệm các chức danh: + Chức danh: Trưởng phòng Tổ chức đối với bà Phạm Thị Bích Ngọc; phó phòng Tổ chức đối với bà Lê Thị Thùy Trang; Trưởng phòng Bảo vệ đối với Ông Lê Văn Tùng.

			Điều 2: Các Ông, Bà nêu trên được hưởng lương cùng các chế độ khác theo hệ thống thang bậc lương, Quy chế lương của Công ty và quy định hiện hành. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
8	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	27/6/2025	Điều 1. Thống nhất cho thanh lý và trồng tái canh lại diện tích 4,35 ha vườn cây Keo lai trồng năm 2021 tại Nông trường Lộc Thạnh. Điều 2. Giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan tiến hành các thủ tục thanh lý vườn cây Keo lai và trồng xen tái canh lại cây keo lai trên diện tích đã thanh lý theo đúng quy định. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
9	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	01/07/2025	Điều 1. Do có sự thay đổi về địa giới hành chính, kể từ ngày 01/7/2025 tỉnh Bình Phước sát nhập về tỉnh Đồng Nai, đã có sự thay đổi tên khu phố trên địa bàn phường Minh Thành nơi trụ sở Công ty đứng chân (<i>Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai</i>). Hội đồng quản trị thống nhất thực hiện thủ tục thay đổi giấy phép kinh doanh của Công ty cổ phần cao su Sông Bé, cụ thể như sau: - Thông tin thay đổi: + Địa chỉ trụ sở chính trước khi thay đổi: Đường ĐT 751, tổ 8, khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. + Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Đường ĐT 751, tổ 8, khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai. Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
10	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	9/7/2025	Điều 1. Triệu tập Đại hội cổ đông để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với các nội dung sau: - Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung một số Điều Quy chế quản trị nội bộ

			của Công ty. Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
11	Nghị quyết số 10/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	17/07/2025	Điều 1. Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Thiện Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cao su Sông Bé tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần cao su Sông Bé (sau sắp xếp). Điều 2: Ông Nguyễn Minh Thiện đảm nhiệm các công việc do Tổng Giám đốc phân công, được hưởng lương cùng các chế độ khác theo Hệ thống thang bậc lương, Quy chế lương của Công ty và quy định hiện hành. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
12	Nghị quyết số 11/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	01/8/2025	Điều 1. Thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần cao su Sông Bé trước khi trình Đại hội đồng cổ đông. Điều 2. Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 xem xét chấp thuận nội dung sửa đổi, bổ sung quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị sẽ hoàn thiện và ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần cao su Sông Bé theo quy định. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
13	Nghị quyết số 12/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	26/08/2025	Điều 1. Thống nhất theo Tờ trình số 57/TTr-CSSB ngày 20/8/2025 về việc điều động và bổ nhiệm chức danh phó phòng Kỹ thuật nông nghiệp Công ty, đối với ông Lê Quang Toàn. Điều 2: Ông Lê Quang Toàn được hưởng lương cùng các chế độ khác theo hệ thống thang bậc lương, Quy chế lương của Công ty và quy định hiện hành. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
14	Nghị quyết số 13/NQ- HĐQT; tỷ lệ 100%	21/11/2025	Điều 1. Để đảm bảo hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý Công ty, từ nguồn nhân sự tại chỗ của Công ty cụ thể như

			sau: 1/ Chức danh Người đại diện 35% phần vốn nhà nước tại Công ty, Tổng Giám đốc Công ty từ nguồn quy hoạch Công ty. 2/ Chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty từ nguồn quy hoạch Công ty. Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất xin ý kiến UBND tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai xem xét cho chủ trương bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý từ nguồn nhân sự tại chỗ theo quy hoạch đã được phê duyệt. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
15	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	25/11/2025	Điều 1. Thống nhất chủ trương thanh lý và trồng tái canh 162,53 ha diện tích vườn cây cao su trong năm 2026 tại Nông trường Nghĩa Trung. - Giao Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan thực hiện các thủ tục bán thanh lý, đấu giá tài sản vườn cây cao su nói trên theo đúng quy định của pháp luật và tiến hành lựa chọn giống cây phù hợp với thổ nhưỡng từng khu vực vườn cây để trồng tái canh vườn cây cao su trong năm 2026 theo đúng quy định quy trình. Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.
16	Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	05/12/2025	Điều 1. Thống nhất chủ trương tiếp tục trồng xen Keo lai trên diện tích cây cao su kém phát triển tại tiểu khu 97, 102 và trồng rừng trên đất rừng phòng hộ tại tiểu khu 216-219 tại nông trường Lộc Thạnh, cụ thể như sau: - Diện tích trồng; 77,40 ha, trong đó: + Tiếp tục trồng xen cây Keo lai: 69,47 ha, bao gồm các lô: 2, 3, 16, 17, 18 và một phần lô 19 (đến đường X16) tiểu khu 97, 102. + Trồng rừng trên diện tích đất rừng phòng hộ: 7,93 ha, tiểu khu 216-219. Trồng đó: cây trồng chính là cây Gáo vàng. Cây trồng phụ trợ là cây Keo lai. Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

380
C
C
C
S
N

17	Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	12/12/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thuận chủ trương cho bố trí giống cao su trồng tại các vị trí đối với từng khu vực trong diện tích trồng tái canh 162,53 ha tại nông trường Nghĩa Trung, cụ thể như sau: - Diện tích: 46,0 ha, khoảnh 6 tiểu khu 305 (bao gồm lô 39, 40, 41 vườn cây cao su trồng năm 2009), trồng giống RRIV 209. - Diện tích: 61,66 ha, khoảnh 1, 2 tiểu khu 305 (bao gồm lô 28/2007, 29/2008, 30/2010), trồng giống RRIV 106. - Diện tích: 54,87 ha, khoảnh 9 tiểu khu 309, khoảnh 1, 3 tiểu khu 304 (bao gồm lô 56/2004, 22/2007, 23/2007, 24/2010), trồng giống PB 255. Giao Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng nghiệp vụ có liên quan thực hiện việc chọn giống và trồng tái canh theo đúng quy định. Điều 2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, lãnh đạo các phòng ban, đơn vị và cá nhân liên quan trong Công ty cổ phần cao su Sông Bé chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, kể từ ngày ký.
----	--------------------------------------	------------	---

III. Ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên kiểm soát		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Trần Thị Ngọc Liên	Trưởng ban	26/12/2018		ĐHKT
2	Từ Xuân Lâm	Thành viên	14/09/2020		ĐH QTKD
3	Nguyễn Thị Phương	Thành viên	28/06/2022		Cử nhân Kế toán

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp định kỳ để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, các cuộc họp nhằm thảo

luận và thống nhất nội dung đánh giá kết quả kiểm soát tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Các cuộc họp được tổ chức theo đúng quy định của Pháp luật, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

S T T	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham (%)	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Trần Thị Ngọc Liên	04/04	100%	100%	
2	Từ Xuân Lâm	04/04	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Phương	04/04	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông. Hội đồng quản trị đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật.

Thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty; kiểm tra tình hình sử dụng các Quỹ của Công ty; tình hình mua sắm hàng hóa, vật tư, thiết bị...

Hội đồng quản trị Công ty chủ động, bám sát các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động quản trị và điều hành thông qua:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng Quản trị (HĐQT) định kỳ, đột xuất và các cuộc họp giao ban của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý.
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm.

Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc trao đổi các vấn đề phát sinh hàng ngày. Nhờ đó, Ban Kiểm soát kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng

góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu đề ra.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát

Không có

IV. Ban điều hành

ST T	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ ngày miễn nhiệm	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Đông Dân	29/11/1964	ĐH TCKT	14/01/2019	
2	Nguyễn Minh Thiện	20/03/1984	Cử nhân hành chính	11/06/2024	

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ ngày miễn nhiệm	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Huỳnh Quang Vĩnh	10/08/1972	ĐH TCKT	14/01/2019	

VI. Đào tạo về quản trị Công ty

Không có

VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty.

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty (phụ lục 01 đính kèm).

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Không có

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số ngày NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1								
2								

3. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát:

không có.

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1									
2									
3									
...									

4. Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo:

Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành:

Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác:

Không có

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ.

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (phụ lục đính kèm 02).

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.

Không có

TT	Người thực hiện	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển, đổi...
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban điều hành, Ban kiểm soát;
- Phòng KTTC;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Thái Công Cần

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**

**Phụ lục 01
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ**

(kèm theo Báo cáo số ..01.../BC-HĐQT ngày 22/01/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
A. CÁ NHÂN						
1	Thái Công Cần	Chủ tịch Hội đồng quản trị thành viên không điều hành	03/01/2019			
1.1	Thái Thị Thu Hồng		03/01/2019			Chị ruột
1.2	Thái Công Dũng		03/01/2019			Anh ruột
1.3	Nguyễn Quế		03/01/2019			Anh rể
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức		03/01/2019			Chị dâu
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức		03/01/2019			Chị dâu
2	Nguyễn Đông Dân	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	03/01/2019			

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
2.1	Nguyễn Thị Thắm		03/01/2019			Vợ
2.2	Nguyễn Thị Hạ My		03/01/2019			Con
2.3	Nguyễn Xuân Phi		03/01/2019			Con
2.4	Nguyễn Châu Xa		03/01/2019			Anh ruột
2.5	Nguyễn Thị Lượng		03/01/2019			Chị ruột
2.6	Nguyễn Minh Khải		03/01/2019			Anh ruột
2.7	Nguyễn Thị Ngọc Loan		03/01/2019			Chị ruột
2.8	Nguyễn Thị Hương		03/01/2019			Chị dâu
2.9	Lê Thị Hây		03/01/2019			Chị dâu
2.10	Phạm Văn Việt		03/01/2019			Anh rể
2.11	Ngô Thị Mầu		03/01/2019			Chị dâu
2.12	Trương Tấn Đạt		03/01/2019			Anh rể
2.13	Nguyễn Hữu Thúc		03/01/2019			Bố vợ
3	Nguyễn Minh Thiện	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	11/06/2024			
3.1	Nguyễn Văn Tính		11/06/2024			Cha ruột
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà		11/06/2024			Mẹ ruột
3.3	Phạm Thị Niệm		11/06/2024			Vợ

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
3.4	Nguyễn Minh Thịnh		11/06/2024			Con trai
3.5	Nguyễn Minh Thế		11/06/2024			Con trai
3.6	Nguyễn Minh Chí		11/06/2024			Em trai
3.7	Nguyễn Minh Tình		11/06/2024			Em trai
3.8	Nguyễn Thị Thiên Nhi		11/06/2024			Em gái
3.9	Nguyễn Lê Mạnh Hiền		11/06/2024			Em rể
3.10	Phạm Văn Thạch		11/06/2024			Cha vợ
3.11	Huỳnh Thị Thừa		11/06/2024			Mẹ vợ
4	Huỳnh Quang Vĩnh	Kế toán trưởng, người được ủy quyền CBTT	03/01/2019			
4.1	Huỳnh Quang Hữu		03/01/2019			Cha ruột
4.2	Trần Thị Diệu		03/01/2019			Mẹ ruột
4.3	Phan Thị Biết		03/01/2019			Mẹ vợ
4.4	Huỳnh Thị Kim Ngân		03/01/2019			Chị ruột

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
4.5	Huỳnh Thị Kim Đơn		03/01/2019			Em ruột
4.6	Huỳnh Thị Kim Hằng		03/01/2019			Em ruột
4.7	Huỳnh Quang Phúc		03/01/2019			Em ruột
4.8	Huỳnh Thị Kim Phương		03/01/2019			Em ruột
4.9	Huỳnh Thị Kim Sang		03/01/2019			Em ruột
4.10	Huỳnh Thị Kim Oanh		03/01/2019			Em ruột
4.11	Nguyễn Thị Mỹ Dung		03/01/2019			Vợ
4.12	Huỳnh Thùy Trang		03/01/2019			Con ruột
4.13	Hồ Thị Phương Dung		03/01/2019			Em dâu
4.14	Đỗ Đức Hưng		03/01/2019			Em rể
4.15	Nguyễn Mạnh Trường		03/01/2019			Em rể
4.16	Huỳnh Phan Linh Tử		03/01/2019			Em rể
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước	Thành viên Hội đồng quản trị thành viên không điều hành/ người phụ trách quản trị công ty/ thư ký HĐQT	03/01/2019			

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
5.1	Nguyễn Thanh Phú		03/01/2019			Cha ruột
5.2	Nguyễn Thị Định		03/01/2019			Mẹ ruột
5.3	Nguyễn Anh Vũ		03/01/2019			Em ruột
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Linh		03/01/2019			Em ruột
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Loan		03/01/2019			Em ruột
5.6	Nguyễn Ngọc Minh		03/01/2019			Em rể
5.7	Vũ Thị Dạ Yến		03/01/2019			Em dâu
5.8	Nguyễn Minh Vũ		03/01/2019			Em rể
6	Trương Minh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	29/12/2023			
6.1	Trương Minh Tư		29/12/2023			Cha
6.2	Nguyễn Thị Hòa		29/12/2023			Mẹ
6.3	Phạm Thị Ngân		29/12/2023			Vợ



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
6.4	Trương Minh Gia Kiệt		29/12/2023			Con trai
6.5	Trương Minh Phương Như		29/12/2023			Con gái
6.6	Trương Minh Huyền		29/12/2023			Em gái
6.7	Phí Đình Hiền		29/12/2023			Em rể
6.8	Nguyễn Thị Ngoan		29/12/2023			Mẹ vợ
7	Trần Thị Ngọc Liên	Trưởng Ban Kiểm soát	03/01/2019			
7.1	Trần Ngọc Yên		03/01/2019			Cha ruột
7.2	Trần Thị Yến		03/01/2019			Mẹ ruột
7.3	Trần Ngọc Quang		03/01/2019			Anh ruột
7.4	Nguyễn Thị Lệ		03/01/2019			Chị dâu
7.5	Trần Thị Ngọc Phượng		03/01/2019			Chị ruột
7.6	Nguyễn Văn Chứng		03/01/2019			Anh rể
7.7	Trần Ngọc Minh		03/01/2019			Anh ruột

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
7.8	Nguyễn Thị Thanh Thúy		03/01/2019			Chị dâu
7.9	Trần Thị Ngọc Thủy		03/01/2019			Em ruột
7.10	Đặng Văn Hết		03/01/2019			Em rể
7.11	Trần Ngọc Hiếu		03/01/2019			Em ruột
7.12	Trần Như Oanh		03/01/2019			Em dâu
8	Nguyễn Thị Phương	Kiểm soát viên	28/06/2022			
8.1	Nguyễn Phi Hùng		26/06/2022			Chồng
8.2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh		26/06/2022			Con
8.3	Nguyễn Đức Dũng		26/06/2022			Con
8.4	Nguyễn Văn Thanh		26/06/2022			Cha ruột
8.5	Võ Thị Là		26/06/2022			Mẹ ruột
8.6	Nguyễn Văn Hưng		26/06/2022			Cha chồng
8.7	Đinh Thị Hường		26/06/2022			Mẹ chồng

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
8.8	Nguyễn Thành Long		26/06/2022			Anh ruột
8.9	Nguyễn Thành Nhơn		26/06/2022			Anh ruột
8.10	Nguyễn Thị Thu Hiền		26/06/2022			Chị ruột
8.11	Nguyễn Văn Hùng		26/06/2022			Em ruột
8.12	Hà Thị Khánh		26/06/2022			Chị dâu
8.13	Lê Cu		26/06/2022			Anh rể
8.14	Phan Thị Huyền		26/06/2022			Em dâu
9	Từ Xuân Lâm	Kiểm soát viên	14/09/2020			
9.1	Nguyễn Thị Nhuận		14/09/2020			Mẹ ruột
9.2	Nguyễn Thị Hà		14/09/2020			Vợ
9.3	Từ Khánh Vi		14/09/2020			Con ruột
9.4	Từ Đức Kiên		14/09/2020			Con ruột
9.5	Từ Xuân Trường		14/09/2020			Anh ruột
9.6	Từ Xuân Đồng		14/09/2020			Em ruột
9.7	Từ Thị Thanh Tâm		14/09/2020			Em ruột
B. TỔ CHỨC						
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai		03/01/2019			



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 01
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ

(kèm theo Báo cáo số 01../BC-HĐQT ngày 22../01/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
A. CÁ NHÂN										
1	Thái Công Cần		Chủ tịch Hội đồng quản trị thành viên không điều hành	045067000279	16/10/2023	Khu phố Trung Lợi, P. Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			
1.1	Thái Thị Thu Hồng			045161002589	22/12/2021	Thái Thị Bôi, Tổ 50, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	03/01/2019			Chị ruột
1.2	Thái Công Dũng			045065004616	07/01/2022	162 Thanh Long, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	03/01/2019			Anh ruột
1.3	Nguyễn Quế			045053000224	30/03/2021	Thái Thị Bôi, Tổ 50, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	03/01/2019			Anh rể
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức			048175002699	09/05/2021	162 Thanh Long, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	03/01/2019			Chị dâu
2	Nguyễn Đông Dân		Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	070064001931	29/04/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			
2.1	Nguyễn Thị Thắm			070174002011	29/04/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Vợ
2.2	Nguyễn Thị Hạ My			070199009559	28/06/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Con
2.3	Nguyễn Xuân Phi			070202006684	05/06/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Con

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
2.4	Nguyễn Châu Xa			070047000305	20/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Anh ruột
2.5	Nguyễn Thị Lượng			070154000899	25/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị ruột
2.6	Nguyễn Minh Khải			070057000623	05/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Anh ruột
2.7	Nguyễn Thị Ngọc Loan			070159001282	25/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị ruột
2.8	Nguyễn Thị Hương			046154001290	20/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
2.9	Lê Thị Hây			080151001336	20/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
2.10	Phạm Văn Việt			031054005223	25/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Anh rể
2.11	Ngô Thị Mầu			070161000803	04/04/2021	Ấp Quân Lợi, xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
2.12	Trương Tấn Đạt			070062001285	15/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Anh rể
2.13	Nguyễn Hữu Thúc			045039000087	15/04/2021	Ấp Phú Hòa, P. An Lộc, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Bố vợ
3	Nguyễn Minh Thiện		Thành viên HDQT, Phó Tổng Giám đốc	70084008422	27/12/2022	Khu phố 2, P. Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			
3.1	Nguyễn Văn Tính			70054003405	7/12/2023	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Cha ruột
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà			74161000294	13/09/2023	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Mẹ ruột
3.3	Phạm Thị Niệm			70185002367	19/04/2021	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Vợ
3.4	Nguyễn Minh Thịnh			70209004018	6/12/2023	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Con trai
3.5	Nguyễn Minh Thế					Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Con trai

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
3.6	Nguyễn Minh Chí			70085007258	24/06/2022	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Em trai
3.7	Nguyễn Minh Tình			70087002096	13/09/2023	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Em trai
3.8	Nguyễn Thị Thiên Nhi			70191006875	06/06/2022	Phường An Hội Tây, TP.HCM	11/6/2024			Em gái
3.9	Nguyễn Lê Mạnh Hiền			49085014323	17/08/2021	Phường An Hội Tây, TP.HCM	11/6/2024			Em rể
3.10	Phạm Văn Thạch			70045000032	01/04/2021	Xã Long Hưng, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Cha vợ
3.11	Huỳnh Thị Thừa			70152000122	01/04/2021	Xã Long Hưng, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Mẹ vợ
4	Huỳnh Quang Vĩnh		Kế toán trưởng, người được ủy quyền CBTT	046072012852	08/12/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			
4.1	Huỳnh Quang Hữu			046044000232	19/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Cha ruột
4.2	Trần Thị Diễm			046145000422	16/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Mẹ ruột
4.3	Phan Thị Biết			074141000072	12/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Mẹ vợ
4.4	Huỳnh Thị Kim Ngân			046168001513	24/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị ruột
4.5	Huỳnh Thị Kim Đơn			046173001601	16/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.6	Huỳnh Thị Kim Hằng			046176001588	01/05/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.7	Huỳnh Quang Phúc			070079006683	10/05/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.8	Huỳnh Thị Kim Phương			070181004201	28/06/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.9	Huỳnh Thị Kim Sang			046183004896	28/09/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.10	Huỳnh Thị Kim Oanh			070187000045	28/09/2021	Số 220/21 CMT8, P.Bình Thuỷ, TP.Cần Thơ	03/01/2019			Em ruột
4.11	Nguyễn Thị Mỹ Dung			074171010874	28/09/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Vợ

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
4.12	Huỳnh Thùy Trang					Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Con ruột
4.13	Hồ Thị Phương Dung			070184004019	25/10/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em dâu
4.14	Đỗ Đức Hưng			070083000342	25/03/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em rể
4.15	Nguyễn Mạnh Trường			092086004222	06/09/2021	Số 220/21 CMT8, P.Bình Thuỷ, TP.Cần Thơ	03/01/2019			Em rể
4.16	Huỳnh Phan Linh Từ			070083003427	02/12/2022	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em rể
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước		Thành viên Hội đồng quản trị thành viên không điều hành/ người phụ trách quản trị công ty/ thư ký HĐQT	070175000179	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			
5.1	Nguyễn Thanh Phú			051045000139	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Cha ruột
5.2	Nguyễn Thị Định			074156000263	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Mẹ ruột
5.3	Nguyễn Anh Vũ			070078000106	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Linh			070181000376	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Loan			070181000377	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
5.6	Nguyễn Ngọc Minh			070077001956	22/04/2021	Ấp 1, Xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em rể

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
5.7	Vũ Thị Dạ Yến			070189000327	18/02/2021	KP Phú Nghĩa, P Bình Long, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em dâu
5.8	Nguyễn Minh Vũ			068079000233	24/03/2021	KP Phú Trung, P Bình Long , tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em rể
6	Trương Minh Hùng		Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	070084007567	6/28/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			
6.1	Trương Minh Tư			70055000601	11/04/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			Cha
6.2	Nguyễn Thị Hòa			7016001367	16/04/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			Mẹ
6.3	Phạm Thị Ngân			70186007165	28/06/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			Vợ
6.4	Trương Minh Gia Kiệt			70208005209	28/01/2023	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			Con trai
6.5	Trương Minh Phương Như			70312005916		KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			Con gái
6.6	Trương Minh Huyền			70186004898	29/01/2023	KP. Phú Thanh, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			Em gái
6.7	Phí Đình Hiền			70083007442	16/12/2022	KP. Phú Thanh, P. TP. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			Em rể
6.8	Nguyễn Thị Ngoan			39160009887	13/04/2021	Phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			Mẹ vợ
7	Trần Thị Ngọc Liên		Trưởng Ban Kiểm soát	070175002001	17/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			
7.1	Trần Ngọc Yên			052041002892	05/07/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Cha ruột

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
7.2	Trần Thị Yến			051152006131	05/07/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Mẹ ruột
7.3	Trần Ngọc Quang			070069004820	28/06/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Anh ruột
7.4	Nguyễn Thị Lệ			079177035728	28/06/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
7.5	Trần Thị Ngọc Phượng			070171000643	04/04/2021	KP II, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị ruột
7.6	Nguyễn Văn Chứng			070069000565	04/04/2021	KP II, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Anh rể
7.7	Trần Ngọc Minh			070073000188	03/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Anh ruột
7.8	Nguyễn Thị Thanh Thúy			070177000302	03/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
7.9	Trần Thị Ngọc Thủy			070178002411	13/07/2023	9/1 Nguyễn Thị Ngâu, ấp Thới Tứ 2, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP HCM	03/01/2019			Em ruột
7.10	Đặng Văn Hết			079077001410	12/08/2021	9/1 Nguyễn Thị Ngâu, ấp Thới Tứ 2, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP HCM	03/01/2019			Em rể
7.11	Trần Ngọc Hiếu			070081004678	10/05/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
7.12	Trần Như Oanh			082184011052	10/05/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			Em dâu
8	Nguyễn Thị Phương		Kiểm soát viên	070183000820	3/31/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, xã Thiện Hưng, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
8.1	Nguyễn Phi Hùng			040084002769	31/03/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, xã Thiện Hưng, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Chồng
8.2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh			040306000624	04/11/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, xã Thiện Hưng, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Con
8.3	Nguyễn Đức Dũng					Tổ 6, KP Thanh Xuân, xã Thiện Hưng, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Con
8.4	Nguyễn Văn Thanh			046054000611	04/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Cha ruột
8.5	Võ Thị Là			046158001137	25/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Mẹ ruột
8.6	Nguyễn Văn Hưng			040058014254	08/11/2021	Xóm Đông Hồng, xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An	28/6/2022			Cha chồng
8.7	Đinh Thị Hường			040157002829	13/04/2021	Xóm Đông Hồng, xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An	28/6/2022			Mẹ chồng
8.8	Nguyễn Thành Long			046076003102	01/03/2023	Đường Hà Công, Phường Kim Trà, Thành Phố Huế	28/6/2022			Anh ruột
8.9	Nguyễn Thành Nhơn			046078005069	28/06/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Anh ruột
8.10	Nguyễn Thị Thu Hiền			070180001286	05/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Chị ruột
8.11	Nguyễn Văn Hùng			046085000855	13/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Em ruột
8.12	Hà Thị Khánh			070173005871	28/06/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Chị dâu
8.13	Lê Cu			070084002097	16/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Anh rể
8.14	Phan Thị Huyền			084186002656	15/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai	28/6/2022			Em dâu

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
9	Từ Xuân Lâm		Kiểm soát viên	040076002967	14/04/2021	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	14/9/2020			
9.1	Nguyễn Thị Nhuận			040148006759	06/08/2022	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	14/9/2020			Mẹ ruột
9.2	Nguyễn Thị Hà			042182005179	10/04/2021	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	14/9/2020			Vợ
9.3	Từ Khánh Vi			070308010524	05/09/2022	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	14/9/2020			Con ruột
9.4	Từ Đức Kiên					Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	14/9/2020			Con ruột
9.5	Từ Xuân Trường			040074006032	24/04/2021	Khu phố Đông Tân, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh	14/9/2020			Anh ruột
9.6	Từ Xuân Đồng			040079026802	10/06/2021	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	14/9/2020			Em ruột
9.7	Từ Thị Thanh Tâm			040182005179	03/04/2021	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	14/9/2020			Em ruột
B. TỔ CHỨC										
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai					Số 02 đường Nguyễn Văn Trị, Phường Thanh Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**

Phụ lục 02

**DANH SÁCH VỀ NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ**

(kèm theo Báo cáo số .01.../BC-HĐQT ngày 22/01/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
A. CÁ NHÂN					
1	Thái Công Cần	Chủ tịch HĐQT thành viên không điều hành	17.325	0.021	
1.1	Thái Thị Thu Hồng		0	0	
1.2	Thái Công Dũng		0	0	
1.3	Nguyễn Quế		0	0	
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức		0	0	
2	Nguyễn Đông Dân	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	75.800	0,093	
2.1	Nguyễn Thị Thắm		0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
2.2	Nguyễn Thị Hạ My		0	0	
2.3	Nguyễn Xuân Phi		0	0	
2.4	Nguyễn Châu Xa		0	0	
2.5	Nguyễn Thị Lượng		0	0	
2.6	Nguyễn Minh Khải		0	0	
2.7	Nguyễn Thị Ngọc Loan		0	0	
2.8	Nguyễn Thị Hương		0	0	
2.9	Lê Thị Hây		0	0	
2.10	Phạm Văn Việt		0	0	
2.11	Ngô Thị Mâu		0	0	
2.12	Trương Tấn Đạt		0	0	
2.13	Nguyễn Hữu Thúc		0	0	
3	Nguyễn Minh Thiện	TV HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	16.325	0,02	
3.1	Nguyễn Văn Tính		0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà		0	0	
3.3	Phạm Thị Niệm		0	0	
3.4	Nguyễn Minh Thịnh		0	0	
3.5	Nguyễn Minh Thế		0	0	Còn nhỏ
3.6	Nguyễn Minh Chí		0	0	
3.7	Nguyễn Minh Tình		0	0	
3.8	Nguyễn Thị Thiên Nhi		0	0	
3.9	Nguyễn Lê Mạnh Hiền		0	0	
3.10	Phạm Văn Thạch		0	0	
3.11	Huỳnh Thị Thừa		0	0	
4	Huỳnh Quang Vĩnh	Kế toán trưởng, người được ủy quyền Công bố thông tin	22.075	0,027	
4.1	Huỳnh Quang Hữu		0	0	
4.2	Trần Thị Diệu		0	0	
4.3	Phan Thị Biết		0	0	
4.4	Huỳnh Thị Kim Ngân		0	0	

010
ÔNG
S. PI
AO
NC
/ANI

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
4.5	Huỳnh Thị Kim Đơn		0	0	
4.6	Huỳnh Thị Kim Hằng		0	0	
4.7	Huỳnh Quang Phúc		0	0	
4.8	Huỳnh Thị Kim Phương		0	0	
4.9	Huỳnh Thị Kim Sang		0	0	
4.10	Huỳnh Thị Kim Oanh		0	0	
4.11	Nguyễn Thị Mỹ Dung		0	0	
4.12	Huỳnh Thùy Trang		0	0	còn nhỏ
4.13	Hồ Thị Phương Dung		0	0	
4.14	Đỗ Đức Hưng		0	0	
4.15	Nguyễn Mạnh Trường		0	0	
4.16	Huỳnh Phan Linh Tử		0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước	Thành viên Hội đồng quản trị thành viên không điều hành/ người phụ trách quản trị công ty/thư ký HĐQT	14.675	0,018	
5.1	Nguyễn Thanh Phú		0	0	
5.2	Nguyễn Thị Định		0	0	
5.3	Nguyễn Anh Vũ		0	0	
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Linh		0	0	
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Loan		0	0	
5.6	Nguyễn Ngọc Minh		0	0	
5.7	Vũ Thị Dạ Yến		0	0	
5.8	Nguyễn Minh Vũ		0	0	
6	Trương Minh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	0	0	



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
6.1	Trương Minh Tư		0	0	
6.2	Nguyễn Thị Hòa		0	0	
6.3	Phạm Thị Ngân		0	0	
6.4	Trương Minh Gia Kiệt		0	0	
6.5	Trương Minh Phương Như		0	0	
6.6	Trương Minh Huyền		0	0	
6.7	Phí Đình Hiền		0	0	
6.8	Nguyễn Thị Ngoan		0	0	
7	Trần Thị Ngọc Liên	Trưởng Ban Kiểm soát	6.292	0,008	
7.1	Trần Ngọc Yên		0	0	
7.2	Trần Thị Yên		0	0	
7.3	Trần Ngọc Quang		0	0	
7.4	Nguyễn Thị Lệ		0	0	
7.5	Trần Thị Ngọc Phượng		0	0	
7.6	Nguyễn Văn Chứng		0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
7.7	Trần Ngọc Minh		0	0	
7.8	Nguyễn Thị Thanh Thúy		0	0	
7.9	Trần Thị Ngọc Thủy		0	0	
7.10	Đặng Văn Hết		0	0	
7.11	Trần Ngọc Hiếu		0	0	
7.12	Trần Như Oanh		0	0	
8	Nguyễn Thị Phương	Kiểm soát viên	2.925	0,004	
8.1	Nguyễn Phi Hùng		0	0	
8.2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh		0	0	
8.3	Nguyễn Đức Dũng		0	0	Còn nhỏ
8.4	Nguyễn Văn Thanh		0	0	
8.5	Võ Thị Là		0	0	
8.6	Nguyễn Văn Hưng		0	0	
8.7	Đinh Thị Hường		0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
8.8	Nguyễn Thành Long		0	0	
8.9	Nguyễn Thành Nhơn		0	0	
8.10	Nguyễn Thị Thu Hiền		0	0	
8.11	Nguyễn Văn Hùng		0	0	
8.12	Hà Thị Khánh		0	0	
8.13	Lê Cu		0	0	
8.14	Phan Thị Huyền		0	0	
9	Từ Xuân Lâm	Kiểm soát viên	5.842	0,007	
9.1	Nguyễn Thị Nhuận		0	0	
9.2	Nguyễn Thị Hà		0	0	
9.3	Từ Khánh Vi		0	0	
9.4	Từ Đức Kiên		0	0	Còn nhỏ
9.5	Từ Xuân Trường		0	0	
9.6	Từ Xuân Đồng		0	0	
9.7	Từ Thị Thanh Tâm		0	0	

B. TỔ CHỨC

1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai		792.426.960	97,354	
----------	--	--	--------------------	---------------	--



CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 02
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ
(kèm theo Báo cáo số 01.../BC-HĐQT ngày 22./01/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
A. CÁ NHÂN										
1	Thái Công Cần		Chủ tịch HĐQT thành viên không điều hành	CCCD	045067000279	16/10/2023	Khu phố Trung Lợi, P. Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	17.325	0.021	
1.1	Thái Thị Thu Hồng			CCCD	045161002589	22/12/2021	Thái Thị Bôi, Tổ 50, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	0	0	
1.2	Thái Công Dũng			CCCD	045065004616	07/01/2022	162 Thanh Long, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0	0	
1.3	Nguyễn Quế			CCCD	045053000224	30/03/2021	Thái Thị Bôi, Tổ 50, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	0	0	
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức			CCCD	048175002699	09/05/2021	162 Thanh Long, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0	0	
2	Nguyễn Đông Dân		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	CCCD	070064001931	29/4/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	75.800	0,093	
2.1	Nguyễn Thị Thắm			CCCD	070174002011	29/04/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.2	Nguyễn Thị Hạ My			CCCD	070199009559	28/06/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
2.3	Nguyễn Xuân Phi			CCCD	070202006684	05/06/2021	Tô1, KP 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.4	Nguyễn Châu Xa			CCCD	070047000305	20/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.5	Nguyễn Thị Lượng			CCCD	070154000899	25/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.6	Nguyễn Minh Khải			CCCD	070057000623	05/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.7	Nguyễn Thị Ngọc Loan			CCCD	070159001282	25/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.8	Nguyễn Thị Hương			CCCD	046154001290	20/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.9	Lê Thị Hây			CCCD	080151001336	20/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.10	Phạm Văn Việt			CCCD	031054005223	25/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.11	Ngô Thị Mầu			CCCD	070161000803	04/04/2021	Ấp Quán Lợi, xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.12	Trương Tấn Đạt			CCCD	070062001285	15/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.13	Nguyễn Hữu Thúc			CCCD	045039000087	15/04/2021	Ấp Phú Hòa, P. An Lộc, tỉnh Đồng Nai	0	0	
3	Nguyễn Minh Thiện		TV HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	CCCD	70084008422	27/12/2022	Khu phố 2 , P. Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai	16.325	0,02	
3.1	Nguyễn Văn Tính			CCCD	70054003405	7/12/2023	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà			CCCD	74161000294	13/9/2023	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
3.3	Phạm Thị Niệm			CCCD	70185002367	19/04/2021	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu,	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
3.4	Nguyễn Minh Thịnh			CCCD	70209004018	6/12/2023	Phường Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
3.5	Nguyễn Minh Thế			CCCD			Phường Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	Còn nhỏ
3.6	Nguyễn Minh Chí			CCCD	70085007258	24/06/2022	Phường Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
3.7	Nguyễn Minh Tinh			CCCD	70087002096	13/09/2023	Phường Chợ Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
3.8	Nguyễn Thị Thiên Nhi			CCCD	70191006875	06/06/2022	Phường An Hội Tây, TP.HCM	0	0	
3.9	Nguyễn Lê Mạnh Hiền			CCCD	49085014323	17/08/2021	Phường An Hội Tây, TP.HCM	0	0	
3.10	Phạm Văn Thạch			CCCD	70045000032	01/04/2021	Xã Long Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
3.11	Huỳnh Thị Thừa			CCCD	70152000122	01/04/2021	Xã Long Hưng, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4	Huỳnh Quang Vĩnh		Kế toán trưởng, người được ủy quyền CBTT	CCCD	046072012852	08/12/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	22.075	0,027	
4.1	Huỳnh Quang Hữu			CCCD	046044000232	19/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.2	Trần Thị Diễm			CCCD	046145000422	16/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.3	Phan Thị Biết			CCCD	074141000072	12/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.4	Huỳnh Thị Kim Ngân			CCCD	046168001513	24/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.5	Huỳnh Thị Kim Đơn			CCCD	046173001601	16/04/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.6	Huỳnh Thị Kim Hằng			CCCD	046176001588	01/05/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.7	Huỳnh Quang Phúc			CCCD	070079006683	10/05/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.8	Huỳnh Thị Kim Phương			CCCD	070181004201	28/06/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.9	Huỳnh Thị Kim Sang			CCCD	046183004896	28/09/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.10	Huỳnh Thị Kim Oanh			CCCD	070187000045	28/09/2021	Số 220/21 CMT8, P.Bình Thủy, TP.Cần Thơ	0	0	
4.11	Nguyễn Thị Mỹ Dung			CCCD	074171010874	28/09/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.12	Huỳnh Thùy Trang			CCCD			Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	còn nhỏ

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
4.13	Hồ Thị Phương Dung			CCCD	070184004019	25/10/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.14	Đỗ Đức Hưng			CCCD	070083000342	25/03/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
4.15	Nguyễn Mạnh Trường			CCCD	092086004222	06/09/2021	Số 220/21 CMT8, P.Bình Thủy, TP.Cần Thơ	0	0	
4.16	Huỳnh Phan Linh Từ			CCCD	070083003427	02/12/2022	P.Tân Xuân, TP.Đồng Xoài, T.Bình Phước	0	0	
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước		Thành viên Hội đồng quản trị thành viên không điều hành/ người phụ trách quản trị công ty/thư ký HĐQT	CCCD	070175000179	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	14.675	0,018	
5.1	Nguyễn Thanh Phú			CCCD	051045000139	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	0	0	
5.2	Nguyễn Thị Định			CCCD	074156000263	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	0	0	
5.3	Nguyễn Anh Vũ			CCCD	070078000106	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	0	0	
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Linh			CCCD	070181000376	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	0	0	
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Loan			CCCD	070181000377	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	0	0	
5.6	Nguyễn Ngọc Minh			CCCD	070077001956	22/04/2021	Ấp 1, Xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	0	0	
5.7	Vũ Thị Dạ Yến			CCCD	070189000327	18/02/2021	KP Phú Nghĩa, P Bình Long, tỉnh Đồng Nai	0	0	
5.8	Nguyễn Minh Vũ			CCCD	068079000233	24/03/2021	KP Phú Trung, P Bình Long , tỉnh Đồng Nai	0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
6	Trương Minh Hùng		Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	CCCD	070084007567	6/28/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
6.1	Trương Minh Tư			CCCD	70055000601	11/04/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
6.2	Nguyễn Thị Hòa			CCCD	7016001367	16/04/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
6.3	Phạm Thị Ngân			CCCD	70186007165	28/06/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
6.4	Trương Minh Gia Kiệt			CCCD	70208005209	28/01/2023	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
6.5	Trương Minh Phương Như			CCCD	70312005916		KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
6.6	Trương Minh Huyền			CCCD	70186004898	29/01/2023	KP. Phú Thanh, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
6.7	Phí Đình Hiền			CCCD	70083007442	16/12/2022	KP. Phú Thanh, P. TP. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	0	0	
6.8	Nguyễn Thị Ngoan			CCCD	39160009887	13/04/2021	Phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7	Trần Thị Ngọc Liên		Trưởng Ban Kiểm soát	CCCD	070175002001	17/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	6.292	0,008	
7.1	Trần Ngọc Yên			CCCD	052041002892	05/07/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.2	Trần Thị Yến			CCCD	051152006131	05/07/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.3	Trần Ngọc Quang			CCCD	070069004820	28/06/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.4	Nguyễn Thị Lệ			CCCD	079177035728	28/06/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
7.5	Trần Thị Ngọc Phượng			CCCD	070171000643	04/04/2021	KP II, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.6	Nguyễn Văn Chứng			CCCD	070069000565	04/04/2021	KP II, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.7	Trần Ngọc Minh			CCCD	070073000188	03/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.8	Nguyễn Thị Thanh Thúy			CCCD	070177000302	03/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.9	Trần Thị Ngọc Thủy			CCCD	070178002411	13/07/2023	9/1 Nguyễn Thị Ngâu, ấp Thới Tứ 2, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP HCM	0	0	
7.10	Đặng Văn Hết			CCCD	079077001410	12/08/2021	9/1 Nguyễn Thị Ngâu, ấp Thới Tứ 2, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP HCM	0	0	
7.11	Trần Ngọc Hiếu			CCCD	070081004678	10/05/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.12	Trần Như Oanh			CCCD	082184011052	10/05/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
8	Nguyễn Thị Phương		Kiểm soát viên	CCCD	070183000820	3/31/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, Xã Thiệu Hưng, tỉnh Đồng Nai	2.925	0,004	
8.1	Nguyễn Phi Hùng			CCCD	040084002759	31/03/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, Xã Thiệu Hưng, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
8.2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh			CCCD	040306000624	04/11/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, Xã Thiệu Hưng, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
8.3	Nguyễn Đức Dũng			CCCD			Tổ 6, KP Thanh Xuân, Xã Thiệu Hưng, Tỉnh Đồng Nai	0	0	Còn nhỏ
8.4	Nguyễn Văn Thanh			CCCD	046054000611	04/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
8.5	Võ Thị Là			CCCD	046158001137	25/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
8.6	Nguyễn Văn Hưng			CCCD	040058014254	08/11/2021	Xóm Đông Hồng, Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	0	0	
8.7	Đinh Thị Hường			CCCD	040157002829	13/04/2021	Xóm Đông Hồng, Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	0	0	
8.8	Nguyễn Thành Long			CCCD	046076003102	01/03/2023	Đường Hà Công, Phường Kim Trà, Thành Phố Huế	0	0	
8.9	Nguyễn Thành Nhơn			CCCD	046078005069	28/06/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
8.10	Nguyễn Thị Thu Hiền			CCCD	070180001286	05/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
8.11	Nguyễn Văn Hùng			CCCD	046085000855	13/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
8.12	Hà Thị Khánh			CCCD	070173005871	28/06/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
8.13	Lê Cu			CCCD	070084002097	16/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
8.14	Phan Thị Huyền			CCCD	084186002656	15/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	0	0	
9	Từ Xuân Lâm		Kiểm soát viên	CCCD	040076002967	10/4/2021	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	5.842	0,007	
9.1	Nguyễn Thị Nhuận			CCCD	040148006759	06/08/2022	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	0	0	
9.2	Nguyễn Thị Hà			CCCD	042182005179	10/04/2021	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	0	0	
9.3	Từ Khánh Vi			CCCD	070308010524	05/09/2022	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
9.4	Từ Đức Kiên			CCCD			Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	0	0	Còn nhỏ
9.5	Từ Xuân Trường			CCCD	040074006032	24/04/2021	Khu phố Đông Tân, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh	0	0	
9.6	Từ Xuân Đồng			CCCD	040079026802	10/06/2021	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	0	0	
9.7	Từ Thị Thanh Tâm			CCCD	040182005179	03/04/2021	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	0	0	
B. TỔ CHỨC										
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai						Số 02 đường Nguyễn Văn Trị, Phường Thanh Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	792.426.960	97,354	

